

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2017/HSST

Ngày: 28-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Dân

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Đài và ông Nguyễn Huy Giáp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Vòng A Chi- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom-
tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 115/2017/HSST ngày
06/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Lư Thị Kim L, sinh năm 1987 tại Đồng Nai. Trú tại: Tổ 1, Khu phố 4,
thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn:
12/12. Con ông Lư Minh T và bà Nguyễn Ngọc T. Có chồng là Nguyễn Văn C
và 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Lưu Tấn T (S), sinh năm 1993 tại Sóc Trăng. HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện
M, tỉnh Sóc Trăng. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông
Lưu Tấn T và bà Châu Thị H. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị giam
giữ từ ngày 16/6/2017, được hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 25/8/2017 (Có
mặt).

3. Lư Thị Yến N, sinh năm 1991 tại Đồng Nai. Trú tại: Tổ 1, Khu phố 4,
thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ học vấn:
12/12. Con ông Lư Minh T và bà Nguyễn Ngọc T. Chồng, con: Chưa có. Tiền
án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. Hồ Ý N, sinh năm 1989 tại Cà Mau. HKTT: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh
Cà Mau. Nơi ở: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Công nhân.
Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Hồ Văn S và bà Trần Mỹ P. Có chồng là
Nguyễn Quốc N và 01 con sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị giam giữ
từ ngày 23/6/2017, được hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 25/8/2017 (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH S. Trụ sở: Khu công nghiệp B, xã Đ,
huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị truy tố về hành vi phạm tội như sau: Lư Thị Kim L, Lư Thị Yến N (em ruột của Lư Thị Kim L) và Hồ Ý N là công nhân của Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty), thuộc khu công nghiệp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Lư Tấn T làm thuê cho xưởng gỗ tư nhân nằm trong khuôn viên của Công ty. Hàng ngày, Công ty chấm công để trả lương cho công nhân thông qua việc công nhân điểm danh bằng cách in dấu vân tay của mình vào máy quét để nhận dạng, sau đó Công ty sẽ trả lương cho công nhân qua tài khoản ATM. Do thấy sự hờ hững của Công ty trong việc chấm công nêu trên nên Lư Thị Kim L, Lư Thị Yến N, Hồ Ý N, Lư Tấn T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền lương của Công ty. Cụ thể như sau:

- Lư Thị Kim L vào làm việc tại Công ty từ ngày 12/10/2016. Làm việc được 03 ngày thì L tự ý nghỉ việc, không báo với Công ty. L dùng cục đất sét in dấu vân tay của mình rồi đổ silicon lỏng lên dấu vân tay trên cục đất sét; đến khi silicon khô thì có in dấu vân tay của L trên đó. Sau đó, hàng ngày L vẫn đến Công ty để điểm danh, chấm công bằng cách đặt miếng silicon nêu trên lên máy quét nhận dạng, sau đó L về nhà chứ không làm việc. Công ty đã trả qua ATM cho L lương tháng 10/2016 với số tiền là 2.864.000 đồng, lương tháng 11/2016 với số tiền là 5.894.000 đồng.

- Lư Thị Yến N vào làm việc tại Công ty từ ngày 25/10/2016. N làm được 01 buổi thì tự ý nghỉ việc. Khi nghỉ việc, N có báo cho Lư Thị Kim L biết nên L bảo N không báo với Công ty để L chiếm đoạt tiền lương của Công ty bằng thủ đoạn như trên; hàng tháng, sau khi nhận tiền lương của N qua ATM thì L sẽ chia cho N một phần. N đồng ý và để cho L lấy mẫu dấu vân tay của mình. Hàng ngày, N không đi làm nhưng L vẫn điểm danh chấm công cho N bằng miếng silicon có dấu vân tay của N. Công ty đã trả qua ATM lương tháng 11/2016 cho N với số tiền là 5.894.000 đồng.

- Đến đầu tháng 12/2016, L đưa 02 miếng silicon có dấu vân tay của L và của N cho Lư Tấn T và nhờ T điểm danh chấm công hộ bằng thủ đoạn nêu trên, L sẽ trả tiền công cho T. T đồng ý và đã điểm danh chấm công giúp cho L và N từ tháng 12/2016 đến hết tháng 2/2017 để chiếm đoạt được của Công ty số tiền như sau:

- + Tiền lương của L tháng 12/2016 là 6.286.000 đồng, tháng 01/2017 là 5.832.000 đồng, tháng 02/2017 là 6.385.000 đồng.

- + Tiền lương của N tháng 12/2016 là 6.285.000 đồng, tháng 01/2017 là 5.963.000 đồng, tháng 02/2017 là 6.385.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà L đã chiếm đoạt của Công ty từ tháng 10/2016 đến hết tháng 02/2017 là 51.788.000 đồng (bao gồm tiền lương của N là 24.527.000 đồng và tiền lương của L là 27.261.000 đồng). L đã chia cho N số tiền là 2.000.000 đồng và trả công cho T số tiền là 3.000.000 đồng. Số tiền còn lại L chiếm đoạt hết. Trong giai đoạn điều tra, L, N và T đã giao nộp số tiền trên cho Cơ quan điều tra để trả lại cho Công ty. Công ty đã nhận lại tiền và không yêu cầu gì về dân sự đối với L, N và T nữa.

- Hồ Ý N vào làm việc tại Công ty từ ngày 10/6/2016. Trong quá trình làm việc, N có quen với G, là người làm thuê trong xưởng gỗ tư nhân nằm trong khuôn viên của Công ty. Đến cuối tháng 9/2016 thì N tự ý nghỉ việc và nói cho G biết. G bảo N không báo với Công ty, để G lấy dấu vân tay của N lên cục silicon; G sẽ điểm danh chấm công cho N nhằm chiếm đoạt lương của Công ty. N đồng ý và để cho G lấy dấu vân tay của mình lên cục đất sét, đồng thời giao thẻ ATM của mình cho G. G đã dùng cục đất sét đó để in dấu vân tay của N lên miếng silicon. Sau khi N nghỉ việc, từ tháng 10/2016, G dùng miếng silicon để điểm danh chấm công cho N. Công ty đã chuyển qua ATM của N lương tháng 10/2016 với số tiền là 4.074.000 đồng, lương của tháng 11/2016 với số tiền là 5.991.000 đồng, lương của tháng 12/2016 với số tiền là 6.553.000 đồng, lương đầu tháng 01/2017 với số tiền là 4.038.000 đồng. G đã rút tiền trong ATM và gửi cho N qua đường bưu điện 03 lần với tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Ngày 24/01/2017, Nguyễn Quốc N (là chồng của N) đến gặp G để lấy lại thẻ ATM của N. Nguyễn Quốc N trở về Cà Mau và đưa N đến chi nhánh Ngân hàng ở Cà Mau để N rút từ thẻ ATM của N số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó N đưa thẻ ATM của mình cho Nguyễn Quốc N, đồng thời đồng ý cho Nguyễn Quốc N lấy dấu vân tay của mình để tiếp tục chiếm đoạt tiền của Công ty bằng thủ đoạn nêu trên. Nguyễn Quốc N đã in dấu vân tay của N lên miếng silicon rồi đến gặp Lưu Tấn T để nhờ T hàng ngày điểm danh chấm công cho N và hứa trả công cho T 200.000 đồng/tháng. T đồng ý. Công ty đã chuyển qua ATM của N lương của nửa cuối tháng 01/2017 với số tiền là 3.096.000 đồng, lương của tháng 02/2017 số tiền là 5.603.000 đồng. Nguyễn Quốc N trả công cho T số tiền 400.000 đồng, số còn lại Nguyễn Quốc N chiếm đoạt hết mà không chuyển cho N. Đến tháng 3/2017, Nguyễn Quốc N thông báo cho N biết sự việc đã bị phát hiện nên ngưng lại.

Như vậy, tổng số tiền mà N đã chiếm đoạt của Công ty là 29.355.000 đồng (bao gồm lương từ tháng 10/2016 đến hết tháng 02/2017). Thực tế N chỉ được nhận số tiền 18.000.000 đồng, số còn lại Nguyễn Quốc N không chuyển cho N. Trong giai đoạn điều tra, N đã giao nộp số tiền 18.000.000 đồng, T đã giao nộp số tiền 400.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty số tiền này. Công ty không yêu cầu gì về dân sự đối với N và T đối với số tiền còn lại nữa.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ được 02 thẻ ATM của L và N. Đối với những cục đất sét và silicon có dấu vân tay của L, N và N thì T đã vứt bỏ nên không thu hồi được. Đối với thẻ ATM của N do Nhuận đang giữ nên chưa thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 127/CT/VKS-HS ngày 06/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố Lưu Thị Kim L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự; truy tố Lưu Thị Yến N, Hồ Ý N và Lưu Tấn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng tên G chưa rõ lai lịch và Nguyễn Quốc N hiện chưa làm việc được vì không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tách ra xử lý sau.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù, bị cáo N và bị cáo N từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho các bị cáo hưởng án treo; thời gian thử thách của bị cáo L từ 04 đến 05 năm, của bị cáo T từ 30 đến 36 tháng, của các bị cáo N và N từ 18 đến 24 tháng; tịch thu tiêu hủy 02 thẻ ATM.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận, từ tháng 10/2016 đến hết tháng 02/2017, Lư Thị Kim L, Lư Thị Yến N, Hồ Ý N và Lưu Tấn T đã dùng thủ đoạn gian dối là dùng miếng silicon có dấu vân tay của Lư Thị Kim L, Lư Thị Yến N và Hồ Ý N để điểm danh chấm công (mặc dù không làm) nhằm chiếm đoạt tiền lương của Công ty trả cho L, N và N. Cụ thể như sau:

[1.1] Lư Thị Kim L đã dùng thủ đoạn gian dối là dùng miếng silicon có dấu vân tay của Lư Thị Kim L và Lư Thị Yến N để chiếm đoạt của Công ty số tổng tiền là 51.788.000 đồng (bao gồm tiền lương của N là 24.527.000 đồng và tiền lương của L là 27.261.000 đồng). L chia cho N 2.000.000 đồng và trả công cho T 3.000.000 đồng.

[1.2] Lư Thị Yến N biết rõ thủ đoạn gian dối của L như trên, nhưng vẫn giúp sức bằng việc cho L lấy dấu vân tay của mình để L chiếm đoạt của Công ty số tiền 24.527.000 đồng (là tiền lương của N) và N được L chia số tiền là 2.000.000 đồng.

[1.3] Hồ Ý N dùng thủ đoạn gian dối là dùng miếng silicon có dấu vân tay của N để chiếm đoạt của Công ty số tiền là 29.355.000 đồng; trong đó N trực tiếp chiếm đoạt số tiền là 18.000.000 đồng, số còn lại N thực hiện vai trò giúp sức nhưng không được hưởng lợi.

[1.4] Lưu Tấn T mặc dù biết rõ hành vi gian dối nêu trên, nhưng vẫn giúp sức cho Lư Thị Kim L và Lư Thị Yến N chiếm đoạt của Công ty số tiền 37.136.000 đồng (là tiền lương mà Công ty đã trả cho L và N từ tháng 12/2016 đến hết tháng 02/2017); giúp sức cho Hồ Ý N chiếm đoạt của Công ty số tiền 8.699.000 đồng (là tiền lương mà Công ty đã trả cho N từ sau ngày 24/01/2017 đến hết tháng 02/2017). Tổng số tiền mà T đã giúp sức để chiếm đoạt của Công ty là 45.835.000 đồng. T được trả công 3.400.000 đồng.

[2] Hành vi nêu trên của bị cáo L, N, N và T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; trong đó bị cáo N, N và T phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự, bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm song ở mức độ giản đơn. Bị cáo L và N là người khởi xướng, bị cáo T và N thực hiện với vai trò giúp sức.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo L đang mang thai.

[5] Về biện pháp tư pháp: Nguyên đơn dân sự đã nhận bồi thường và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 thẻ ATM là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lư Thị Kim L**, **Lưu Tấn T (S)**, **Hồ Ý N** và **Lư Thị Yến N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, l, p khoản 1 Điều 46; điều 53; điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lư Thị Kim L** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo **Lư Thị Kim L** cho UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điều 53; điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lưu Tấn T (S)** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo **Lưu Tấn T (S)** cho UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điều 53; điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Hồ Ý N** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo **Hồ Ý N** cho UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điều 53; điều 60 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lư Thị Yến N** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo **Lư Thị Yến N** cho UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi được giao giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

2. Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) thẻ ATM đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/9/2017.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lư Thị Kim L, Lưu Tấn T (S), Hồ Ý N và Lư Thị Yên N mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- Người vắng mặt;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mạnh Dân